

Thái Nguyên

Kết quả thực hiện các Hiệp định Thương mại Tự do của địa phương

Khá

NHÓM 3/6

XẾP LOẠI

Khá

Nhóm 3/6 — **Hạng 7/34** tỉnh được đánh giá.

ĐIỂM TỔNG HỢP

26,72 / 40

Cao hơn mức trung bình cả nước (21,66) **5,06 điểm**.

THÁCH THỨC CHÍNH

33 / 34

Rào cản tận dụng — kém thứ 2 cả nước dù chính sách được triển khai hiệu quả.

TỔNG QUAN BỐN TRỤ CỘT

A TIẾP CẬN THÔNG TIN

HẠNG 4 / 34

6,69 / 10 +1,89 so với trung bình cả nước

B THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

HẠNG 6 / 34

6,54 / 10 +1,33 so với trung bình cả nước

C CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

HẠNG 20 / 34

5,73 / 10 -0,09 so với trung bình cả nước

D PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HẠNG 7 / 34

7,41 / 10 +1,44 so với trung bình cả nước

★ ĐIỂM MẠNH

- #6 D1 — Mức độ hiểu biết về cam kết PTBV
- #7 B3 — Chất lượng hướng dẫn VBPL
- #8 B2 — Tần suất hướng dẫn VBPL
- #9 A7 — Chất lượng sự kiện FTA

ĐIỂM YẾU

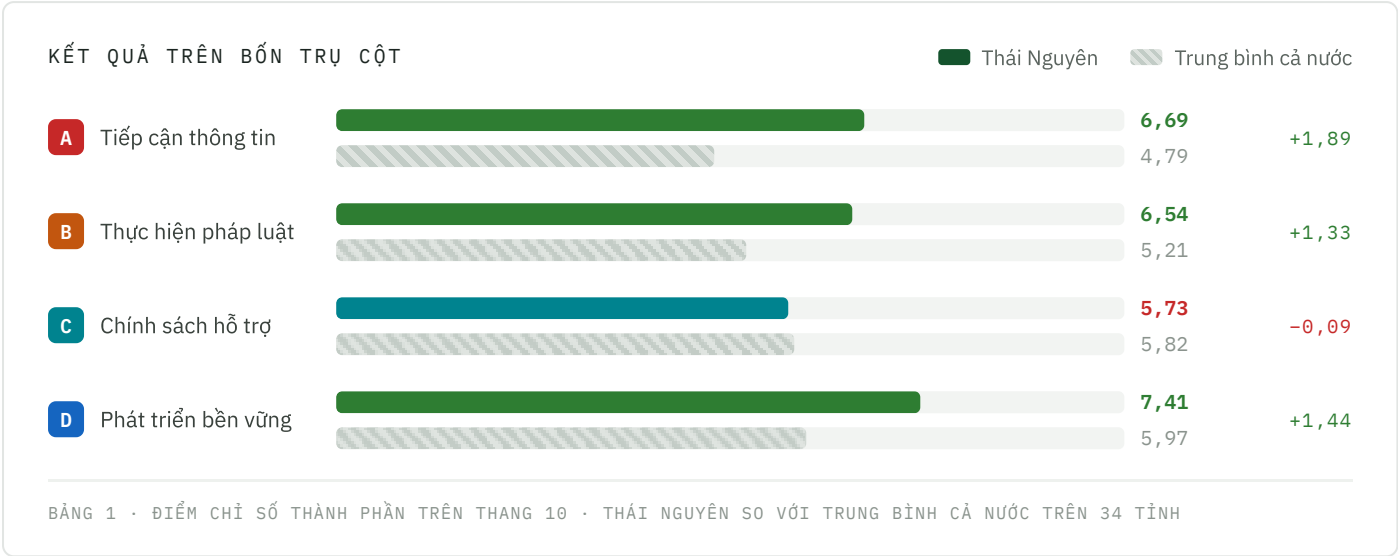
- #33 C5 — Rào cản khi tận dụng FTA
- #20 C6 — Tiếp cận chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh
- #18 B4 — Mức độ phức tạp khi tuân thủ
- #18 C9.1 — Tần suất xúc tiến thương mại

NGUỒN: FTA INDEX 2025 (TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG THỰC HIỆN CHO BỘ CÔNG THƯƠNG); KHẢO SÁT 4.066 DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU. ĐIỂM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRÊN THANG 10; ĐIỂM TỔNG HỢP TRÊN THANG 40. XẾP HẠNG TRÊN TỔNG SỐ 34 TỈNH.

01 Tổng quan kết quả

Thái Nguyên đạt 26,72/40 điểm, thuộc nhóm “Khá” và xếp **hạng 7/34** tỉnh, thành phố. Là một trung tâm công nghiệp điện tử và thu hút FDI lớn của cả nước, tỉnh nằm trong топ 8 ở ba trụ cột: tiếp cận thông tin (**hạng 4**), thực thi pháp luật (**hạng 6**) và phát triển bền vững (**hạng 7**). Kết quả phản ánh một hệ thống truyền thông và hỗ trợ pháp lý tương đối toàn diện, được triển khai hiệu quả và tiếp cận nhiều nhóm doanh nghiệp. Đáng chú ý, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp tư nhân tham gia các hoạt động truyền thông FTA tích cực hơn doanh nghiệp lớn và FDI, cho thấy thông tin không chỉ tập trung vào các doanh nghiệp có quy mô và nguồn lực lớn. Điểm hạn chế chủ yếu nằm ở trụ cột chính sách hỗ trợ

(hạng 20): doanh nghiệp đánh giá cao hiệu quả của các chương trình khi tiếp cận được, nhưng vẫn phải đối mặt với nhiều rào cản và khó khăn trong tiếp cận hệ thống hỗ trợ.



02 Phân tích chi tiết theo chỉ số thành phần

A

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 1

Tiếp cận thông tin

6,69/10

HẠNG 4 / 34 · +1,89

TỔNG QUAN

Thái Nguyên đạt kết quả cao và tương đối đồng đều trên các chỉ tiêu thông tin. Chất lượng thông tin được cung cấp so với nhu cầu doanh nghiệp (A4), nguồn thông tin về sự kiện truyền thông (A6) và tần suất truy cập thông tin FTA trên cổng điện tử địa phương (A9) cùng xếp **hạng 7**. Nguồn thông tin từ cơ quan nhà nước (A2) và sự đa dạng của các hình thức tiếp cận (A3) cùng xếp **hạng 8**; chất lượng sự kiện truyền thông về FTA (A7) xếp **hạng 9**, còn chất lượng thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu (A8) xếp **hạng 11**. Kết quả cho thấy hệ thống không chỉ có độ bao phủ rộng mà còn cung cấp thông tin tương đối hữu ích và phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp.

KÊNH TRUYỀN THÔNG & MỨC ĐỘ THAM GIA

Cụ thể các kênh truyền thông, báo chí tiếp cận 81,4% doanh nghiệp, hội nghị và hội thảo đạt 75,7%, trong khi trang thông tin điện tử và mạng xã hội đều đạt ít nhất 70%. Hoạt động tập huấn cũng tiếp cận hơn một nửa số doanh nghiệp, mặc dù mức độ tham gia của doanh nghiệp lớn thấp hơn doanh nghiệp vừa. Có 72,1% doanh nghiệp tham dự sự kiện FTA ít nhất ở mức không thường xuyên và 14,7% tham gia thường xuyên. Thông báo từ chính quyền địa phương là nguồn thông tin sự kiện quan trọng, tiếp cận 65,7% doanh nghiệp. Tuy nhiên, doanh nghiệp lớn và FDI tham gia ít tích cực hơn doanh nghiệp vừa và tư nhân, cho thấy vẫn còn dư địa để điều chỉnh hình thức truyền thông cho các nhóm doanh nghiệp.

Thái Nguyên

6,69

Trung bình cả nước

4,79

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#7

Chất lượng thông tin so với nhu cầu DN

#7

Nguồn thông tin về sự kiện truyền thông

#7

Thông tin FTA trên cổng điện tử

#8

Cơ quan cung cấp thông tin FTA

#8

Hình thức tiếp cận thông tin

#9

Chất lượng sự kiện về FTA

#11

Thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu

B

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 2

Thực hiện quy định pháp luật theo FTA

6,54/10

HẠNG 6 / 34 · +1,33

TỔNG QUAN

Thế mạnh của Thái Nguyên tập trung ở hoạt động hướng dẫn và đồng hành pháp lý. Mức độ cơ quan nhà nước ghi nhận, tiếp thu ý kiến doanh nghiệp (B7) xếp **hạng 6**, chất lượng hướng dẫn VBPL thực thi cam kết FTA (B3) xếp **hạng 7** và tần suất hướng dẫn VBPL (B2) xếp **hạng 8**. Mức độ nắm rõ các VBPL (B1), tham gia đào tạo tập huấn thực thi cam kết (B5) và phản hồi, góp ý VBPL của doanh nghiệp (B6) cùng xếp **hạng 10**. Mức độ phức tạp khi tuân thủ (B4) xếp **hạng 18**, là chỉ tiêu duy nhất gần hơn với mức trung bình cả nước.

CHIỀU SÂU HIỂU BIẾT THEO LĨNH VỰC

Dù đạt thứ hạng cao, hiểu biết của doanh nghiệp vẫn có sự phân hóa đáng kể giữa các lĩnh vực. Khoảng 63–65% doanh nghiệp nắm rõ ưu đãi thuế quan và quy tắc xuất xứ, nhưng tỷ lệ này giảm xuống còn 22,4% đối với SPS, 29,4% đối với quy định về môi trường, 30,9% đối với TBT và 36,8% đối với sở hữu trí tuệ. Khoảng 60–70% doanh nghiệp vẫn đánh giá các quy định về thuế quan, xuất xứ, SPS, TBT, sở hữu trí tuệ và phòng vệ thương mại là phức tạp. Khoảng trống kiến thức đặc biệt đáng lưu ý ở doanh nghiệp lớn và FDI, nhất là đối với các yêu cầu về lao động và môi trường.



XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

- #6 Tiếp thu ý kiến doanh nghiệp
- #7 Chất lượng hướng dẫn VBPL
- #8 Tần suất hướng dẫn VBPL
- #10 Mức độ nắm rõ VBPL thực thi FTA
- #10 Tham gia đào tạo tập huấn
- #10 Phản hồi, góp ý VBPL
- #18 Mức độ phức tạp tuân thủ VBPL thực thi FTA

C CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 3 Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA

5,73 /10

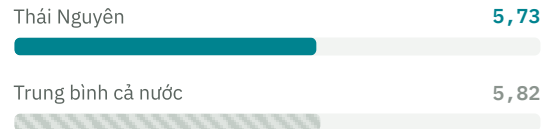
HẠNG 20 / 34 · -0,09

TỔNG QUAN

Thái Nguyên đã xây dựng được một số chương trình hỗ trợ có chất lượng. Hiệu quả chính sách hỗ trợ (C7) xếp **hạng 9**, khả năng đáp ứng nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp (C8) xếp **hạng 10**, sự đa dạng của các hình thức tận dụng FTA (C3) và chất lượng xúc tiến thương mại (C9.2) cùng xếp **hạng 12**. Tuy nhiên, mức độ rào cản khi tận dụng FTA (C5) chỉ xếp **hạng 33**, còn khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ (C6) xếp **hạng 20**. Điều này cho thấy chính sách có thể phát huy hiệu quả khi doanh nghiệp tiếp cận được, nhưng phạm vi bao phủ và khả năng tháo gỡ vướng mắc vẫn chưa tương xứng với chất lượng triển khai.

CƠ CẤU TẬN DỤNG & KHÓ KHĂN CỦA DOANH NGHIỆP

Việc tận dụng FTA tập trung chủ yếu vào các cam kết truyền thống bao gồm ưu đãi thuế quan (91,4%) và quy tắc xuất xứ (84,3%). Các cam kết khác được khai thác hạn chế: không doanh nghiệp nào cho biết tận dụng SPS, còn TBT chỉ đạt 4,3%. Xét về khó khăn khi tận dụng FTA, doanh nghiệp phản hồi khó khăn lớn nhất là tiếp cận đối tác (38,6%), tiếp theo là thiếu thông tin thị trường (27,1%), thiếu hiểu biết về cam kết FTA và vướng mắc về quy tắc xuất xứ (cùng 25,7%). Các chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh nhận được khoảng 54–69% đánh giá tích cực, trong đó đào tạo và kết nối doanh nghiệp hoạt động tốt nhất. Tuy nhiên, hỗ trợ công nghệ mang lại hiệu quả thấp hơn đối với doanh nghiệp lớn.



XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

- #9 Hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ của CQQLNN địa phương
- #10 Khả năng đáp ứng nhu cầu hỗ trợ
- #12 Hình thức tận dụng FTA
- #12 Chất lượng xúc tiến thương mại
- #20 Tiếp cận chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh
- #33 Rào cản khi tận dụng FTA

D CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 4 Cam kết phát triển bền vững

7,41 /10

HẠNG 7 / 34 · +1,44

TỔNG QUAN

Phát triển bền vững là một trong những trụ cột nổi bật của Thái Nguyên. Mức độ hiểu biết của doanh nghiệp về các cam kết PTBV (D1) và hiệu quả hỗ trợ của cơ quan nhà nước (D4) cùng xếp **hạng 6**. Đây là nền tảng quan trọng để các doanh nghiệp điện tử và FDI đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về lao động, môi trường và trách nhiệm chuỗi cung ứng tại các thị trường thuộc EVFTA và CPTPP.

MỨC ĐỘ CHUẨN BỊ THEO LĨNH VỰC

Khoảng 65–67% doanh nghiệp hiểu các cam kết về lao động và môi trường, nhưng tỷ lệ này chỉ đạt 32–45% đối với đa dạng sinh học, quản lý nguồn lợi rừng bền vững CITES, EUDR, SCDDD, CBAM và kinh tế tuần hoàn. Các yêu cầu về lao động, môi trường và tiêu chuẩn xanh được 36–39% doanh nghiệp đánh giá có tác động lớn đối với hoạt động kinh doanh; tỷ lệ này chỉ đạt 12–18% ở các lĩnh vực chuyên biệt khác. Khoảng 3/4 doanh nghiệp đã bắt đầu chuẩn bị cho các yêu cầu về lao động và môi trường, trong khi 61–62% có sự chuẩn bị đối với sự tham gia của công chúng và tiêu chuẩn xanh. Mức độ sẵn sàng vẫn thấp hơn đối với yêu cầu SCDDD, CBAM và kinh tế tuần hoàn, đặc biệt trong nhóm doanh nghiệp lớn.

Thái Nguyên 7,41

Trung bình cả nước 5,97

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#6 Mức độ hiểu biết về cam kết PTBV

#6 Hiệu quả hỗ trợ từ CQQLNN

03 Kết luận & hàm ý

ĐIỂM MẠNH CẦN PHÁT HUY

- Tiếp cận thông tin xếp **hạng 4**, thực thi pháp luật **hạng 6** và phát triển bền vững **hạng 7**, đưa Thái Nguyên vào nhóm 8 địa phương dẫn đầu ở ba trụ cột.
- Hoạt động hướng dẫn và đồng hành pháp lý được triển khai hiệu quả, với mức độ tiếp thu ý kiến doanh nghiệp xếp **hạng 6**, chất lượng hướng dẫn xếp **hạng 7** và tần suất hướng dẫn xếp **hạng 8**.
- Hiệu quả chính sách hỗ trợ xếp **hạng 9**, cho thấy các chương trình mang lại kết quả tích cực đối với những doanh nghiệp tiếp cận được.

HẠN CHẾ CẦN CẢI THIỆN

- Mức độ rào cản khi tận dụng FTA xếp **hạng 33**, trở thành điểm nghẽn lớn nhất và kéo kết quả của trụ cột chính sách hỗ trợ xuống mức thấp hơn ba trụ cột còn lại.
- Khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ chỉ xếp **hạng 20**, cho thấy độ bao phủ của hệ thống chưa tương xứng với hiệu quả của các chương trình.
- Hiểu biết về SPS, TBT, sở hữu trí tuệ và quy định về môi trường còn hạn chế, kể cả trong nhóm doanh nghiệp lớn và FDI, dù mức độ nắm rõ các cam kết thuế quan và quy tắc xuất xứ tương đối cao.

Các bước tiếp theo

gỡ bỏ rào cản trở ngại duy nhất

NGAY BÂY GIỜ · 0-12 THÁNG

TIẾP THEO · 1-3 NĂM

1 Tháo gỡ rào cản khi tận dụng FTA

Rà soát và xử lý các vướng mắc cụ thể liên quan đến quy tắc xuất xứ, chứng nhận xuất xứ, thông tin thị trường và kết nối đối tác, đồng thời đơn giản hóa khả năng tiếp cận các chương trình hỗ trợ.

C5 · 33 → hướng tới топ 15

2 Nâng cao hiểu biết về các cam kết chuyên sâu

Tổ chức đào tạo theo ngành và tình huống thực tế về SPS, TBT, sở hữu trí tuệ, quy định về lao động và môi trường, ưu tiên các nhóm doanh nghiệp còn khoảng trống kiến thức lớn.

B1 · nâng cao hiểu biết cam kết chuyên sâu

3 Mở rộng độ bao phủ của chính sách hỗ trợ

Thiết lập đầu mối thông tin thống nhất và chủ động kết nối doanh nghiệp với các chương trình về đào tạo, công nghệ, tài chính và phát triển đối tác.

C6 · 20 → cải thiện khả năng tiếp cận

4 Duy trì vị thế dẫn đầu ở ba trụ cột A, B và D

Tiếp tục phát huy hệ thống thông tin, hỗ trợ pháp lý và phát triển bền vững để phục vụ hiệu quả cộng đồng doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước.

A/B/D · duy trì trong топ 8



MỤC TIÊU

Nâng Thái Nguyên từ nhóm “Khá” lên nhóm “Tốt” thông qua việc giảm rào cản và mở rộng khả năng tiếp cận hệ thống hỗ trợ FTA